

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ 1
MÔN SINH HỌC 10
Năm học 2024 - 2025

A- HÌNH THỨC KIỂM TRA:

70% câu hỏi trắc nghiệm, 30% câu hỏi tự luận.

B- NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA

I. Trắc nghiệm

Câu 1 : Ngành nào không phải là lĩnh vực nghiên cứu của Sinh học?

- | | | |
|--------------------------|-------------------------|-------------------|
| 1. Hóa dầu. | 2. Di truyền học. | 3. Giải phẫu học. |
| 4. Sinh lí thực vật học. | 5. Công nghệ thực phẩm. | 6. Tài chính. |

- A. 2, 3. B. 2, 3. C. 1, 6. D. 5,6.

Câu 2: Nhóm các nguyên tố nào sau đây là nhóm nguyên tố chính cấu tạo nên chất sống?

- A. C,Na,Mg,N. B. H,Na,P,Cl. C. C,H,O,N. D. C,H,Mg,Na.

Câu 3: Cây xanh có khả năng tổng hợp chất hữu cơ từ CO_2 và H_2O dưới tác dụng của năng lượng ánh sáng. Quá trình chuyển hóa năng lượng kèm theo quá trình này là

- A. chuyển hóa từ hóa năng sang quang năng
B. chuyển hóa từ hóa năng sang nhiệt năng
C. chuyển hóa từ nhiệt năng sang quang năng
D. chuyển hóa từ quang năng sang hóa năng

Câu 4: Tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể vì

- A. tế bào là đơn vị có kích thước nhỏ nhất và mọi hoạt động sống của cơ thể đều được thực hiện nhờ sự hoạt động của tế bào.
B. mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ tế bào và mọi hoạt động sống của cơ thể đều được thực hiện nhờ sự hoạt động của tế bào.
C. tế bào là đơn vị có kích thước nhỏ nhất và tế bào có chức năng sinh sản.
D. mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ tế bào và tế bào có chức năng sinh sản.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây là đúng về nguyên tố đa lượng?

- A. Các nguyên tố đại lượng chiếm tỉ lệ nhỏ hơn 0,01 % khối lượng cơ thể.
B. Các nguyên tố đại lượng chủ yếu tham gia cấu tạo nên các đại phân tử hữu cơ.
C. Các nguyên tố đại lượng chỉ có vai trò hoạt hóa các enzyme trong cơ thể.
D. Các nguyên tố đại lượng chỉ có chức năng xây dựng nên cấu trúc tế bào.

Câu 6: Nguồn cung cấp carbohydrate chính cho cơ thể người bao gồm:

- | | |
|---------------------------|-----------------------------|
| A. Cá, trứng, thịt bò | B. Gạo, bánh mì, khoai lang |
| C. Rau xanh, thịt gà, tôm | D. Dầu ăn, bơ, phô mai |

Câu 7: Nguồn cung cấp protein chính cho cơ thể người bao gồm:

- | | |
|--------------------------------|----------------------------------|
| A. Sắn, ngô, khoai | B. Cá, trứng, đậu nành |
| C. Rau xanh, trái cây, mật ong | D. Dầu thực vật, mỡ động vật, bơ |

Câu 8: Phương pháp được dùng để giải mã, phân tích hệ gen người là.

- A. Quan sát. B. Thực nghiệm khoa học. C. Tin sinh học. D. làm thí nghiệm

Câu 9: Tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể vì

- A. tế bào là đơn vị có kích thước nhỏ nhất và mọi hoạt động sống của cơ thể đều được thực hiện nhờ sự hoạt động của tế bào.
B. mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ tế bào và mọi hoạt động sống của cơ thể đều được thực hiện nhờ sự hoạt động của tế bào.
C. tế bào là đơn vị có kích thước nhỏ nhất và tế bào có chức năng sinh sản.

D. mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ tế bào và tế bào có chức năng sinh sản.

Câu 10: Vì sao các nguyên tố vi lượng có vai trò quan trọng đối với cơ thể?

- A. Chiếm khối lượng nhỏ.
- B. Giúp tăng cường hệ miễn dịch cho cơ thể.
- C. Cơ thể sinh vật không thể tự tổng hợp các chất ấy.
- D. Là thành phần cấu trúc bắt buộc của nhiều hệ enzym.

Câu 11: Phân tử sinh học là

- A. Các phân tử hữu cơ do sinh vật sống tạo thành.
- B. Các phân tử hữu cơ do môi trường sống tạo thành.
- C. Các phân tử vô cơ do môi trường sống tạo thành.
- D. Các phân tử vô cơ do sinh vật sống tạo thành.

Câu 12: Những nguồn thực phẩm nào sau đây cung cấp carbohydrate cho cơ thể sinh vật?

- (1) Tinh bột (3) Quả chín
- (2) Thịt (4) Đường
- A. (1), (2) và (3) B. (2), (3) và (4) C. (1), (3) và (4) D. (1), (2) và (4)

Câu 13: Trong các thực phẩm dưới đây, loại nào chứa nhiều protein (chất đạm) nhất?

- A. Thịt. B. Gạo. C. Rau xanh. D. Gạo và rau xanh..

Câu 14: Các cấp tổ chức sống không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc. B. Là hệ thống mở tự điều chỉnh.
- C. Thế giới sống liên tục tiến hóa. D. Luôn có môi trường sống giống nhau.

Câu 15: Lipid có những chức năng nào sau đây?

- (1) Dự trữ năng lượng trong tế bào.
- (2) Tham gia cấu trúc màng sinh chất.
- (3) Tham gia vào cấu trúc của hormone.
- (4) Tham gia vào chức năng vận động của tế bào.
- (5) Xúc tác cho các phản ứng sinh học.
- A. 1, 2 và 3. B. 2, 3 và 4. C. 1, 3 và 4. D. 1, 2 và 4.

Câu 16: Đặc điểm không có ở tế bào nhân thực là

- A. Có màng nhân, có hệ thống các bào quan
- B. Tế bào chất được chia thành nhiều xoang riêng biệt
- C. Có thành tế bào bằng peptidoglican
- D. Các bào quan có màng bao bọc

Câu 17: Đặc điểm nào sau đây là điểm khác biệt quan trọng nhất giữa tế bào nhân thực và tế bào nhân sơ?

- A. Tế bào có kích thước lớn, trung bình khoảng 10 – 100nm.
- B. Nhân có màng bọc, ngăn cách với tế bào chất bên ngoài.
- C. Các bào quan trong tế bào đều có màng bao bọc.
- D. Mỗi bào quan có cấu trúc đặc trưng và thực hiện chức năng nhất định.

Câu 18: Cho những thành phần cấu tạo sau.

- 1) Màng sinh chất. 2) Lục lạp. 3) Thành tế bào. 4) Nhân.

Những thành phần nào chỉ có ở tế bào thực vật mà không có ở tế bào động vật

- A. 1 và 3. B. 2 và 4. C. 2 và 3. D. 3 và 4.

Câu 19: Đặc điểm nào sau đây chỉ có ở vận chuyển chủ động mà không có ở vận chuyển thụ động?

- A. Sự khuếch tán các chất diễn ra theo gradien nồng độ.
- B. Nước thẩm thấu qua màng bán thấm ngăn cách giữa 2 vùng có nồng độ chất tan khác nhau.
- C. Những phân tử có thể đi qua lớp phospholipid kép của màng sinh chất.
- D. Sự vận chuyển các chất ngược chiều gradien nồng độ và thường tiêu tốn năng lượng.

Câu 20: Tế bào có thể tự điều chỉnh quá trình chuyển hóa vật chất bằng cách nào?

- A. Điều khiển hoạt tính của enzyme bằng cách tăng nhiệt độ.
- B. Điều khiển hoạt tính của enzyme bằng các chất hoạt hóa hay ức chế.
- C. Điều khiển hoạt tính của enzyme bằng cách giảm nhiệt độ.
- D. Điều khiển hoạt tính của enzyme bằng các chất xúc tác phản ứng.

Câu 21: Đối tượng nghiên cứu của sinh học là

- A. thế giới sinh vật gồm thực vật, động vật, vi sinh vật, nấm,... và con người.
- B. cấu trúc, chức năng của sinh vật.
- C. sinh học phân tử, sinh học tế bào, di truyền học và sinh học tiến hóa.
- D. công nghệ sinh học.

Câu 22: Thứ tự đúng về các bước trong tiến trình nghiên cứu khoa học là.

- A. Quan sát → Hình thành giả thuyết khoa học → Thu thập số liệu → Phân tích và báo cáo kết quả.
- B. Quan sát và đặt câu hỏi → Hình thành giả thuyết khoa học → Kiểm tra giả thuyết khoa học → Làm báo cáo kết quả nghiên cứu.
- C. Quan sát và đặt câu hỏi → Tiến hành thí nghiệm → Thu thập số liệu → Báo cáo kết quả.
- D. Quan sát → Đặt câu hỏi → Tiến hành thí nghiệm → Làm báo cáo kết quả nghiên cứu.

Câu 23: Điền vào chỗ trống. Cấp độ tổ chức của thế giới sống là của một tổ chức sống trong thế giới sống được xác định bằng và của các yếu tố cấu thành tổ chức đó.

- A. vị trí; số lượng; chức năng nhất định.
- B. thứ tự; cấu tạo; chức năng.
- C. vị trí; cấu tạo; chức năng.
- D. thứ tự; số lượng; chức năng nhất định.

Câu 24: Đặc điểm nào sau đây là điểm khác biệt quan trọng nhất giữa tế bào nhân thực và tế bào nhân sơ?

- A. Tế bào có kích thước lớn, trung bình khoảng 10-100 nm.
- B. Nhân có màng bọc, ngăn cách với tế bào chất bên ngoài.
- C. Các bào quan trong tế bào đều có màng bao bọc.
- D. Mỗi bào quan có cấu trúc đặc trưng và thực hiện chức năng nhất định.

Câu 25: Nhân của tế bào nhân thực không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Màng nhân có nhiều lỗ nhỏ để trao đổi chất với ngoài nhân
- B. Nhân chứa nhiều phân tử DNA dạng vòng
- C. Nhân chứa chất nhiễm sắc gồm DNA liên kết với protein.
- D. Nhân được bao bọc bởi lớp màng kép.

Câu 26: Bộ máy Golgi có cấu trúc như thế nào?

- A. Một chồng túi màng dẹp thông với nhau.
- B. Một hệ thống ống dẹp xếp cạnh nhau thông với nhau.
- C. Một chồng túi màng dẹp xếp cạnh nhau nhưng tách rời.
- D. Một chồng túi màng và xoang dẹp thông với nhau.

Câu 27: Cho các hình thức vận chuyển các chất sau.

(1) Thẩm thấu (2) Khuếch tán (3) Vận chuyển chủ động

Các chất thải, chất độc hại thường được đưa ra khỏi tế bào theo phương thức vận chuyển nào?

- A. (1), (2).
- B. (1), (3).
- C. (2), (3).
- D. (1), (2), (3).

Câu 28: Ba thành phần chính của tế bào nhân sơ gồm.

- A. Màng tế bào, tế bào chất, vùng nhân.
- B. Thành tế bào, tế bào chất, vùng nhân.
- C. Màng sinh chất, thành tế bào, vùng nhân.
- D. Vỏ nhầy, thành tế bào, màng tế bào.

Câu 29: Tế bào chất của tế bào nhân sơ có chứa cấu trúc nào sau đây?

- A. Hệ thống nội màng
- B. Riboxom và các hạt dự trữ
- C. Các bào quan có màng bao bọc

D. Bộ khung xương tế bào

Câu 30: Nhân tế bào có chức năng nào sau đây?

- A. Trung tâm thông tin, điều khiển các hoạt động sống của tế bào.
- B. Là nơi diễn ra toàn bộ các hoạt động sống của tế bào.
- C. Có khả năng chuyển hóa năng lượng ánh sáng thành năng lượng hóa học.
- D. Là bộ máy tổng hợp protein của tế bào.

Câu 31: Lưới nội chất hạt và lưới nội chất trơn khác nhau ở đâu?

- A. Lưới nội chất hạt hình túi, còn lưới nội chất trơn hình ống.
- B. Lưới nội chất hạt nối thông với khoang giữa của màng nhân, còn lưới nội chất trơn thì không.
- C. Lưới nội chất hạt có đính các hạt ribôxôm, còn lưới nội chất trơn không có.
- D. Lưới nội chất hạt có riboxom bám ở trong màng, còn lưới nội chất trơn có riboxom bám ở ngoài màng.

Câu 32: Cấu trúc dưới đây không có trong nhân của tế bào là.

- A. Chất dịch nhân B. Nhân con C. Bộ máy Gôngi D. Chất nhiễm sắc

Câu 33: Thành phần hoá học của sợi nhiễm sắc trong nhân tế bào là.

- A. DNA và protein B. RNA và carbohydrate C. Protein và lipid D. DNA và RNA

Câu 34: Trong dịch nhân có chứa

- A. Ti thể và tế bào chất B. Tế bào chất và chất nhiễm sắc
- C. Chất nhiễm sắc và nhân con D. Nhân con và mạng lưới nội chất

Câu 35: Hoạt động nào sau đây là chức năng của nhân tế bào?

- A. Chứa đựng thông tin di truyền và điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào
- B. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động của tế bào
- C. Vận chuyển các chất bài tiết cho tế bào
- D. Duy trì sự trao đổi chất giữa tế bào và môi trường

Câu 36: Nội dung nào sau đây đúng khi nói về thành phần hoá học chính của màng sinh chất?

- A. Một lớp phospholipid và các phân tử protein
- B. Hai lớp phospholipid và các phân tử protein
- C. Một lớp phospholipid và không có protein
- D. Hai lớp phospholipid và không có protein

Câu 37: Ở tế bào động vật, trên màng sinh chất có thêm nhiều phân tử cholesterol có tác dụng.

- A. Tạo ra tính cứng rắn cho màng B. Bảo vệ màng
- C. Làm tăng độ ẩm của màng sinh chất D. Hình thành cấu trúc bền vững cho màng

Câu 38: Thành tế bào thực vật có thành phần hoá học chủ yếu bằng chất.

- A. Cellulose B. Phospholipid C. Cholesterol D. Nucleic acid

Câu 39: Chức năng của lục lạp là:

- A. Chuyển hóa năng lượng ánh sáng mặt trời thành năng lượng tích lũy trong các hợp chất hữu cơ
- B. Nơi sản xuất và vận chuyển protein
- C. Chuyển hóa năng lượng trong các hợp chất hữu cơ thành năng lượng ATP cung cấp cho các hoạt động sống
- D. Phân giải các chất độc và các acid béo.

Câu 40: Lưới nội chất trơn không có chức năng nào sau đây?

- A. Tổng hợp bào quan peroxisom B. Tổng hợp protein
- C. Tổng hợp lipid, phân giải chất độc D. Vận chuyển nội bào

Câu 41: Khung xương trong tế bào không làm nhiệm vụ

- A. Giúp tế bào di chuyển B. Nơi neo đậu của các bào quan
- C. Duy trì hình dạng tế bào D. Vận chuyển nội bào

Câu 42: Lục lạp có chức năng nào sau đây?

- A. Chuyển hóa năng lượng ánh sáng thành năng lượng hóa năng

- B. Đóng gói, vận chuyển các sản phẩm hữu cơ ra ngoài tế bào
- C. Chuyển hóa đường và phân hủy chất độc hại trong cơ thể
- D. Tham gia vào quá trình tổng hợp và vận chuyển lipit

Câu 43: Ti thể có cấu trúc nào sau đây?

- A. Màng kép bao bọc với các mào, bên trên đính nhiều enzym
- B. Mạng lưới các vi ống, vi sợi và sợi trung gian
- C. Hai lớp màng trơn, nhẵn, có đính diệp lục
- D. Mạng lưới các túi dẹt và ống thông nhau

Câu 44: Bộ máy Golgi có chức năng là:

- A. nơi tổng hợp ribosome
- B. nơi sản xuất và vận chuyển protein và lipit
- C. tham gia vào sự vận động của tế bào
- D. nơi sửa đổi, phân loại, đóng gói và vận chuyển các chất

Câu 45: Đặc điểm nào sau đây là điểm khác biệt quan trọng nhất giữa tế bào nhân thực và tế bào nhân sơ?

- A. Tế bào có kích thước lớn, trung bình khoảng 10-100 nm.
- B. Nhân có màng bọc, ngăn cách với tế bào chất bên ngoài.
- C. Các bào quan trong tế bào đều có màng bao bọc.
- D. Mỗi bào quan có cấu trúc đặc trưng và thực hiện chức năng nhất định.

Câu 46: Cho các phát biểu sau:

- (1) Tế bào nhân thực có kích thước lớn hơn nhiều so với tế bào nhân sơ.
- (2) Tế bào nhân thực và tế bào nhân sơ đều chưa có nhân hoàn chỉnh.
- (3) Tế bào nhân thực và tế bào nhân sơ đều chứa bào quan ribosome
- (4) Tế bào nhân thực có hệ thống nội màng còn tế bào nhân sơ không có.

Số phát biểu đúng khi nói về tế bào nhân thực và tế bào nhân sơ là

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 47: Tại sao thực vật có khả năng quang hợp còn động vật không có khả năng này?

- A. Vì tế bào thực vật có chứa bào quan lục lạp còn tế bào động vật không có loại bào quan này.
- B. Vì tế bào thực vật có chứa thành tế bào còn tế bào động vật không có thành tế bào.
- C. Vì tế bào thực vật có chứa không bào trung tâm còn tế bào động vật không có loại bào quan này.
- D. Vì tế bào thực vật có chứa bào quan ti thể còn tế bào động vật không có loại bào quan này.

Câu 48: Đặc điểm giống nhau của tế bào nhân thực và tế bào nhân sơ là:

- A. Có nhân hoàn chỉnh.
- B. Có thành tế bào bằng peptidoglycan.
- C. Có màng sinh chất.
- D. Có hệ thống nội màng phát triển.

Câu 49: Hình dạng của tế bào động vật được duy trì ổn định nhờ cấu trúc

- A. lưới nội chất
- B. khung xương tế bào
- C. chất nền ngoại bào
- D. bộ máy Golgi

Câu 50: Điều dưới đây đúng khi nói về sự vận chuyển thụ động các chất qua màng tế bào là:

- A. Cần có năng lượng cung cấp cho quá trình vận chuyển
- B. Chất được chuyển từ nơi có nồng độ thấp sang nơi có nồng độ cao
- C. Tuân thủ theo qui luật khuếch tán
- D. Chỉ xảy ra ở động vật không xảy ra ở thực vật

Câu 51: Đặc điểm của sự vận chuyển chất qua màng tế bào bằng sự khuếch tán là:

- A. Chỉ xảy ra với những phân tử có đường kính lớn hơn đường kính của lỗ màng
- B. Chất luôn vận chuyển từ nơi nhược trương sang nơi ưu trương
- C. Là hình thức vận chuyển chỉ có ở tế bào thực vật
- D. Dựa vào sự chênh lệch nồng độ các chất ở trong và ngoài màng

Câu 52: Nguồn năng lượng cung cấp trực tiếp cho quá trình vận chuyển chất chủ động trong cơ thể sống:
A. ATP B. ADP C. AMP D. ADN và ARN

Câu 53: Vận chuyển chất qua màng từ nơi có nồng độ thấp sang nơi có nồng độ cao có dùng ATP là cơ chế.

A. Thẩm thấu B. Chủ động C. Khuếch tán D. Thụ động

Câu 54: Hình thức vận chuyển chất dưới đây có sự biến dạng của màng sinh chất là.

A. Khuếch tán B. Thực bào C. Thụ động D. Tích cực

Câu 55: Thẩm thấu là:

A. Nước đi từ nơi có nồng độ cao, qua màng đến nơi có nồng độ thấp.
B. Nước đi từ nơi có nồng độ thấp, qua màng đến nơi có nồng độ cao.
C. Chất tan đi từ nơi có nồng độ cao, qua màng đến nơi có nồng độ thấp.
D. Chất tan đi từ nơi có nồng độ thấp, qua màng đến nơi có nồng độ cao.

Câu 56: Hình thức vận chuyển thụ động có ý nghĩa gì đối với tế bào?

A. Giúp tế bào tiết kiệm năng lượng.
B. Giúp tế bào vận chuyển các chất ngược chiều gradient nồng độ.
C. Giúp tế bào vận chuyển các phân tử lớn.
D. Giúp tế bào vận chuyển được các chất béo.

Câu 57: Điểm khác nhau cơ bản của vận chuyển chủ động so với vận chuyển thụ động là

A. có sự vận chuyển các chất ngược chiều gradient nồng độ và tiêu tốn năng lượng.
B. có sự vận chuyển các chất cùng chiều gradient nồng độ và tiêu tốn năng lượng.
C. có sự vận chuyển các chất ngược chiều gradient nồng độ và không tiêu tốn năng lượng.
D. có sự vận chuyển các chất cùng chiều gradient nồng độ và không tiêu tốn năng lượng.

Câu 58: Sự vận chuyển qua màng theo phương thức xuất bào hay nhập bào xảy ra đối với chất tan.

A. Kích lớn quá lớn B. Kích thước quá bé.
C. Quá rắn D. Quá lỏng

Câu 59: Ở ruột non, các axit amin đi từ dịch ruột vào tế bào lông ruột chủ yếu theo con đường

A. khuếch tán trực tiếp B. khuếch tán gián tiếp C. hoạt tải D. nhập bào

Câu 60: Cơ nguyên sinh là hiện tượng nào sau đây?

A. Tế bào, các bào quan co lại
B. Màng nguyên sinh co lại
C. Màng và khối sinh chất của tế bào co lại
D. Nhân tế bào co lại làm thu nhỏ thể tích của tế bào

Câu 61: Trong môi trường nhược trương, tế bào có nhiều khả năng sẽ bị vỡ ra là

A. tế bào hồng cầu B. tế bào nấm men C. tế bào thực vật D. tế bào vi khuẩn

Câu 62: Khi ở môi trường ưu trương thì tế bào bị co nguyên sinh, nguyên nhân là vì.

A. Chất tan khuếch tán từ tế bào ra môi trường
B. Chất tan khuếch tán từ môi trường vào tế bào
C. Nước thẩm thấu từ môi trường vào tế bào
D. Nước thẩm thấu từ tế bào ra môi trường

Câu 63: Cho các loại môi trường sau:

1. Môi trường có nồng độ chất tan gần bằng nồng độ chất tan của môi trường trong tế bào.
2. Môi trường có nồng độ chất tan bằng nồng độ chất tan của môi trường trong tế bào.
3. Môi trường có nồng độ chất tan lớn hơn nồng độ chất tan của môi trường trong tế bào.
4. Môi trường có nồng độ chất tan bé hơn nồng độ chất tan của môi trường trong tế bào.

Môi trường được gọi là đẳng trương, ưu trương, nhược trương được xếp lần lượt là .

A. 1, 2, 3 B. 1, 3, 4 C. 2, 3, 4 D. 2, 4, 3

Câu 64: Điểm khác nhau cơ bản nhất giữa hai phương thức vận chuyển chủ động và vận chuyển thụ động là:

- A. Cần hoặc không cần kênh protein. B. Có hoặc không có sự chênh lệch về nồng độ.
C. Có hoặc không có tiêu tốn năng lượng ATP D. Kích thước chất tan lớn hay

Câu 65: Khi xào rau, nếu cho muối lúc rau chưa chín thì thường làm cho các cọng rau bị teo lại và rất dai. Nguyên nhân là vì.

- A. Nước trong tế bào thoát ra ngoài do có sự chênh lệch nồng độ muối trong và ngoài tế bào
B. Đã làm tăng nhiệt độ sôi dẫn tới rau bị teo lại
C. Muối đã phá vỡ các tế bào rau nên mỗi cọng rau chỉ còn các sợi xenlulozo
D. Cho muối làm giảm nhiệt độ sôi nên rau không chín mà bị teo lại

Câu 66: Vì sao thường xuyên ngâm nước muối loãng sẽ hạn chế được bệnh viêm họng, sâu răng?

- A. Nước muối loãng đã làm cho tế bào vi sinh vật gây bệnh bị co nguyên sinh nên bị mất nước
B. Nước muối loãng thấm vào làm vỡ tế bào vi sinh vật gây bệnh
C. Nước muối có tác dụng diệt khuẩn giống thuốc kháng sinh
D. Trong điều kiện nước muối loãng chất nguyên sinh tế bào vi sinh vật gây bệnh bị trương lên làm rối loạn hoạt động sinh lí

Câu 67: Dạng năng lượng phổ biến trong tế bào là

- A. năng lượng ánh sáng. B. năng lượng hóa học. C. năng lượng nhiệt. D. năng lượng cơ học.

Câu 68: Enzyme là:

- A. chất xúc tác sinh học đặc hiệu làm tăng tốc độ phản ứng, không bị biến đổi khi phản ứng kết thúc.
B. chất xúc tác hóa học được tổng hợp trong các tế bào sống, làm giảm năng lượng hoạt hóa.
C. chất xúc tác sinh học được tổng hợp trong các tế bào sống, làm tăng năng lượng hoạt hóa.
D. chất xúc tác hóa học đặc hiệu, giúp các phản ứng xảy ra được trong điều kiện sinh lí bình thường của cơ thể.

Câu 69: Trong quá trình hô hấp tế bào, năng lượng hóa học trong glucose chủ yếu được chuyển hóa thành:

- A. Năng lượng điện B. Nhiệt năng C. ATP D. Năng lượng cơ học

Câu 70: Nói về enzyme, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Enzyme có thể có thành phần chỉ là protein hoặc protein kết hợp với các chất khác không phải là protein.
B. Enzyme là thành phần không thể thiếu trong sản phẩm của phản ứng sinh hóa mà nó xúc tác.
C. Enzyme làm tăng tốc độ phản ứng sinh hóa và nó sẽ bị phân hủy sau khi tham gia vào phản ứng.
D. Ở động vật, enzyme do các tuyến nội tiết tiết ra.

Câu 71: Hoạt động nào sau đây là của enzyme?

- A. Xúc tác các phản ứng trao đổi chất
B. Tham gia vào thành phần của các chất tổng hợp được
C. Điều hoà các hoạt động sống của cơ thể
D. Cấu tạo nên tế bào.

Câu 72: Cho các giai đoạn sau:

- (1) Enzyme xúc tác biến đổi cơ chất để hình thành sản phẩm của phản ứng.
- (2) Cơ chất liên kết với trung tâm hoạt động của enzyme bằng các liên kết yếu và tạo thành phức hệ enzyme – cơ chất.
- (3) Sau khi phản ứng hoàn thành, sản phẩm rời khỏi enzyme, enzyme trở về trạng thái ban đầu và có thể sử dụng trở lại.

Trình tự sắp xếp đúng thể hiện cơ chế tác động của enzyme đến phản ứng mà nó xúc tác là

- A. (1) → (2) → (3). B. (1) → (3) → (2).
C. (2) → (1) → (3). D. (2) → (3) → (1).

II. Tự luận

1. Nêu được một số nguồn thực phẩm cung cấp carbohydrate, lipid, protein cho cơ thể.
2. Phân tích mối quan hệ phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của màng sinh chất trong tế bào
3. Vận dụng những hiểu biết về sự vận chuyển các chất qua màng sinh chất để giải thích quá trình làm chum ruột ngâm đường, cà pháo ngâm muối...
4. Giải thích vì sao ATP được xem là ‘đồng tiền năng lượng’ của tế bào?

---HẾT---